

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15 /2017/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 06 tháng 6 năm 2017

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: 5.....
Ngày: 12.6.2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng đối với công trình
trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

*Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ
Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong
quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ
Xây dựng hướng dẫn về cấp phép xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22/6/2016
của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng
dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;*

*Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 428/TTr-
STTTT ngày 17/5/2017 và Báo cáo số 71/BC-STP ngày 15/5/2017 của Sở Tư
pháp về thẩm định Dự thảo Quyết định ban hành Quy định về cấp giấy phép xây
dựng đối với công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh
Ninh Bình.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cấp giấy phép
xây dựng đối với công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn
tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17/6/2017 và thay thế
Quyết định số 1804/2008/QĐ-UBND ngày 6/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Ninh Bình về việc ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *M*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Website Chính phủ/ Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP4, VP6.

ĐN04/QĐTT2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Tống Quang Thìn

QUY ĐỊNH

**Về cấp giấy phép xây dựng đối với công trình
trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15 /2017/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh Ninh Bình)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về cấp giấy phép xây dựng đối với công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động (gọi tắt là trạm BTS) trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đầu tư xây dựng, lắp đặt các trạm BTS trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trạm BTS gồm có trạm viễn thông và cột ăng ten.
2. Trạm viễn thông là nhà hoặc công trình xây dựng tương tự khác được sử dụng để lắp đặt thiết bị mạng.
3. Cột ăng ten là cột được xây dựng để lắp đặt ăng ten thu, phát sóng vô tuyến điện (không bao gồm ăng ten máy thu thanh, thu hình của các hộ gia đình).
4. Cột ăng ten không cồng kềnh (sau đây gọi là cột ăng ten loại A1) là cột ăng ten được lắp đặt trong và trên các công trình xây dựng nhưng không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực, an toàn của công trình xây dựng, bao gồm:
 - a) Cột ăng ten tự đứng được lắp đặt trên các công trình xây dựng có chiều cao của cột (kể cả ăng ten, nhưng không bao gồm kim thu sét) không quá 20% chiều cao của công trình nhưng tối đa không quá 3 mét và có chiều rộng từ tâm của cột đến điểm ngoài cùng của cấu trúc cột ăng ten (kể cả cánh tay đòn của cột và ăng ten) dài không quá 0,5 mét (sau đây gọi là cột ăng ten loại A1a);
 - b) Cột ăng ten thân thiện với môi trường là cột ăng ten được thiết kế, lắp đặt ẩn trong kiến trúc của công trình đã xây dựng, mô phỏng lan can, mái hiên, mái vòm, bệ cửa, vỏ điều hòa, bồn nước, tháp đồng hồ, tác phẩm điêu khắc, hoặc được lắp đặt kín trên cột điện, đèn chiếu sáng hoặc dưới các hình thức nguy trang

phù hợp với môi trường xung quanh và có chiều cao, chiều rộng như quy định tại điểm a khoản này (sau đây gọi là cột ăng ten loại A1b).

5. Cột ăng ten công kênh (sau đây gọi là cột ăng ten loại A2), bao gồm:

a) Cột ăng ten được lắp đặt trên các công trình xây dựng không thuộc cột ăng ten loại A1 được quy định khoản 4 Điều này (sau đây gọi là cột ăng ten loại A2a);

b) Cột ăng ten được lắp đặt trên mặt đất (sau đây gọi là cột ăng ten loại A2b);

c) Cột ăng ten khác không thuộc cột ăng ten các loại A1a, A1b, A2a, A2b (sau đây gọi là cột ăng ten loại A2c).

6. Công trình trạm BTS cấp đặc biệt: là công trình có chiều cao cột ăng ten $\geq 300\text{m}$

7. Công trình trạm BTS cấp I: là công trình có chiều cao cột ăng ten từ 150m đến dưới 300m.

8. Công trình trạm BTS cấp II: là công trình có chiều cao cột ăng ten từ 75m đến dưới 150m.

9. Công trình trạm BTS cấp III: là công trình có chiều cao cột ăng ten từ trên 45m đến dưới 75m.

10. Công trình trạm BTS cấp IV: là công trình có chiều cao cột ăng ten $\leq 45\text{m}$.

Điều 4. Công trình trạm BTS được miễn giấy phép xây dựng

1. Công trình cột ăng ten thuộc hệ thống cột ăng ten nằm ngoài đô thị phù hợp với quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Công trình cột ăng ten không công kênh tại khu vực đô thị phù hợp với quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

Điều 5. Yêu cầu đối với thiết kế cột ăng ten công kênh

1. Trước khi thiết kế phải khảo sát, kiểm tra bộ phận chịu lực của công trình để xác định vị trí lắp đặt cột ăng ten và thiết bị phụ trợ.

2. Việc thiết kế kết cấu và thiết kế thi công cột ăng ten phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của công trình, điều kiện tự nhiên, khí hậu của khu vực lắp đặt để đảm bảo khả năng chịu lực, an toàn cho trạm, cho người và tài sản của các công trình liền kề trong quá trình lắp đặt và sử dụng.

Điều 6. Điều kiện khi lắp đặt công trình trạm BTS không phải xin giấy phép xây dựng

1. Có hợp đồng thuê đặt trạm với chủ công trình theo quy định của pháp luật.

2. Có thiết kế đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Điều 5 của Quy định này và các cam kết đảm bảo an toàn cho công trình, công trình lân cận và không gây ảnh hưởng tới môi trường, sức khỏe cho cộng đồng.

3. Có Văn bản đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông về vị trí xây dựng, sự tuân thủ và phù hợp với quy hoạch ngành.

4. Có văn bản xác nhận đồng ý của Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu quân đội nhân dân Việt Nam đối với trạm BTS có cột ăng ten cao trên 45m.

5. Tuân thủ yêu cầu về tiếp đất, chống sét, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

Điều 7. Yêu cầu đối với công trình trạm BTS trước khi khởi công

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình trạm BTS, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về xây dựng, trừ các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy định này. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy phép xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm sao gửi 01 bản giấy phép xây dựng cho Sở Xây dựng (nếu giấy phép xây dựng không do Sở Xây dựng cấp) và 01 bản cho Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Chủ đầu tư xây dựng công trình trạm BTS phải gửi văn bản thông báo ngày khởi công xây dựng (theo mẫu Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Quy định này) cho Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn xây dựng công trình, Sở Xây dựng và Sở Thông tin và Truyền thông trong thời hạn 07 ngày làm việc trước khi khởi công.

Chương II

HỒ SƠ, NỘI DUNG, QUY TRÌNH VÀ THẨM QUYỀN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo mẫu Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Quy định này).

2. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

3. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm: Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 -

1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình; Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200; Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối kỹ thuật cấp điện, cấp nước, thoát nước, tiếp đất, chống sét, phòng cháy chữa cháy; các cam kết đảm bảo an toàn cho công trình, công trình lân cận và không gây ảnh hưởng tới môi trường, sức khỏe cho cộng đồng.

4. Trường hợp trạm BTS có độ cao ăng ten trên 45m thì chủ đầu tư phải bổ sung thêm văn bản xác nhận đồng ý của Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 9. Nội dung, quy trình và thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng

1. Nội dung giấy phép xây dựng đối với trạm BTS theo mẫu Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

2. Quy trình cấp giấy phép xây dựng

Quy trình cấp giấy phép xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 102 của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014.

3. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng

a) Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với công trình trạm BTS cấp I, cấp II trên địa bàn toàn tỉnh sau khi đã có văn bản đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông về vị trí xây dựng, sự tuân thủ và phù hợp với quy hoạch ngành.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cấp giấy phép xây dựng đối với công trình trạm BTS cấp III, cấp IV trên địa bàn mình quản lý sau khi đã có văn bản đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông về vị trí xây dựng, sự tuân thủ và phù hợp với quy hoạch ngành.

c) Giấy phép xây dựng được cấp trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức và cá nhân có liên quan hiểu rõ mục đích, yêu cầu của việc xây dựng, lắp đặt các trạm BTS.

3. Theo dõi, đôn đốc các doanh nghiệp viễn thông thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình triển khai, lắp đặt và kế hoạch phát triển các trạm BTS trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 11. Sở Xây dựng

1. Tổ chức việc cấp giấy phép xây dựng công trình trạm BTS cấp I, cấp II trên địa bàn tỉnh theo quy định; phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn cho các doanh nghiệp viễn thông, các tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, lắp đặt các trạm BTS trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân về việc xây dựng, lắp đặt trạm BTS trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Tổ chức triển khai việc cấp phép xây dựng công trình trạm BTS cấp III, cấp IV theo Quy định.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho nhân dân hiểu rõ mục đích, yêu cầu của việc xây dựng, lắp đặt các trạm BTS.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền những vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân về việc xây dựng, lắp đặt trạm BTS trên địa bàn theo quy định.

Điều 13. Các tổ chức, các nhân đầu tư xây dựng, lắp đặt và khai thác các trạm BTS

1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch hàng năm về triển khai mạng thông tin di động trên địa bàn tỉnh theo đúng quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Thực hiện nghiêm Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng, lắp đặt các trạm BTS.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vi phạm do không thực hiện đúng các quy định của văn bản này và các quy định pháp luật khác có liên quan; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Xử lý vi phạm

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân nếu vi phạm pháp luật về xây dựng và Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, đề xuất biện pháp giải quyết, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tổng Quang Thìn

MẪU PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15 /2017/QĐ-UBND
ngày 06 /6/2017 của UBND tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (Sử dụng cho công trình trạm BTS)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa Điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tọa độ nhà: Đường/phố
- Phường/xã Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Tổng diện tích sàn: m².
- Chiều cao công trình: m .

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngày tháng năm
Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

MẪU PHỤ LỤC SỐ 2
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15 /2017/QĐ-UBND
ngày 06/6/2017 của UBND tỉnh)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v thông báo thời điểm khởi
công xây dựng

....., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: - Sở Xây dựng
- Sở Thông tin và Truyền thông
- UBND xã/phường/thị trấn

1. Chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư:

.....

- Địa chỉ liên

hệ:

- Số điện thoại: Fax:

.....

2. Tên công trình:

a) Địa điểm lắp đặt: địa chỉ, tọa độ;

b) Loại cột, chiều cao cột, chiều cao công trình xây dựng (nếu cột ăng ten lắp đặt trên công trình xây dựng);

c) Diện tích đất sử dụng;

d) Bản vẽ phối cảnh công trình;

e) Thời điểm bắt đầu xây dựng;

g) Dự kiến thời điểm hoàn thành.

3. Cam kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện xây dựng công trạm BTS theo đúng quy hoạch xây dựng hạ tầng viễn thông thụ động đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan./.

....., ngày... tháng... năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)